

Bản án số: 116/2021/HS-ST
Ngày 23-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T THNH PHỐ HẢI PHÒNG

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Công Hạ

Ông Trần Đình Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tHnh phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tHnh phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tHnh phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 53/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2021/HSST-QĐ ngày 13 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn H, sinh năm 1992 tại tHnh phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn 3, xã P, huyện T, tHnh phố Hải Phòng; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; con ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Quang Thị M, sinh năm 1997, có 02 con; Nhân thân: Ngày 09/4/2019, bị UBND huyện T xử phạt vi phạm Hành chính về Hành vi đánh bạc, đã xóa; Bản án số 69/2012/HSST ngày 07/9/2012, Tòa án nhân dân quận H, tHnh phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù về tội Chống người thi Hành công vụ, thời hạn tù tính từ ngày 12/6/2012. Ra trại ngày 12/6/2013, thi Hành xong án phí ngày 7/9/2012, đã xóa án tích; bị bắt tạm giam từ ngày 17/5/2020; có mặt.

2. Đinh Khắc T (tên gọi khác: M), sinh năm 1983 tại tHnh phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn 3, xã P, huyện T, tHnh phố Hải Phòng; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Đinh Khắc H và bà Nguyễn Thị K; chưa có vợ, con; tiền

sự: Không. Tiền án: Bản án số 245/2017/HSST ngày 24/8/2017, Tòa án nhân dân quận Đ, tHnh phố H Nội xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày 22/02/2017. Ra trại ngày 06/5/2019, thi Hnh xong án phí ngày 23/02/2018, chưa xóa án tích; bị bắt tạm giam từ ngày 17/5/2020; có mặt.

3. Nguyễn Đình C, sinh năm 1986 tại tHnh phố Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ dân phố Q, thị trấn M, huyện T, tHnh phố Hải Phòng; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Nguyễn Đình V và bà Lê Thị T; có vợ là Vũ Thị B, sinh năm 1990; có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 19/10/2020; có mặt.

4. Đinh Khắc B, sinh năm 2000 tại tHnh phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện T, tHnh phố Hải Phòng; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Đinh Khắc H và bà Đinh Thị M; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 19/01/2021 đến ngày 22/01/2021 chuyển tạm giam; có mặt.

5. Vũ Văn T (tên gọi khác: H), sinh năm 1989 tại tHnh phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện T, tHnh phố Hải Phòng; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Vũ Văn N và bà Vũ Thị K; có vợ là Đỗ Thị T, sinh năm 1985; có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 06/5/2021 đến ngày 07/5/2021 chuyển tạm giam; có mặt.

6. Trần Văn C, sinh năm 1994 tại tHnh phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn 11, xã H, huyện T, tHnh phố Hải Phòng; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; con ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị N; chưa có vợ, con; tiền án: Không. Tiền sự: Quyết định số 13/QĐ-TA ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện T về áp dụng biện pháp xử lý Hnh chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng, chấp Hnh xong ngày 01/9/2020, chưa xóa; bị bắt tạm giữ từ ngày 17/12/2020 đến ngày 20/12/2020 chuyển tạm giam; có mặt.

Bị hại: Anh Đinh Văn P, sinh năm 1994; địa chỉ: xã S, huyện N, tỉnh N; vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Đinh Khắc T: Ông Trần Văn Tám – Luật sư Công ty Luật V.I.P thuộc Đoàn Luật sư tHnh phố H Nội; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Đinh Khắc B: Ông Nguyễn Duy Nhân – Luật sư Văn Phòng Luật sư Tâm Nhân và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tHnh phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do anh Đinh Văn P, sinh năm 1994, trú tại xã S, huyện N, tỉnh Ninh B nợ tiền công thợ của Hoàng Văn H, Đinh Khắc T, Đinh Khắc B, Vũ Văn T và một số người khác từ trước. Đã nhiều lần H, T, B, T đòi tiền nhưng anh P chưa có tiền trả, do chưa quyết toán công trình xây dựng xong, nhiều lần khát nợ nhóm của H. Anh P không nợ tiền, không có mâu thuẫn với Trần Văn C và Nguyễn Đình C. Anh P thường nhận công trình xây dựng ở tỉnh khác để làm nên phải đi theo công trình giám sát, chỉ đạo thi công. Ngày 06/5/2020, H, B và C đã tìm gặp anh P tại tỉnh H Nam để đòi nợ. Tại đây, C đã đánh, đe dọa anh P yêu cầu anh P phải trả nợ cho H, B. Anh P khát nợ, đã viết giấy nhận nợ cho H, B theo yêu cầu của cả nhóm. B đã chụp lại giấy nhận nợ của anh P lưu vào trong điện thoại cá nhân của mình.

Biết tin anh P đang làm công trình xây dựng tại huyện Hải H, tỉnh Quảng Ninh. Khoảng 17 giờ ngày 15/5/2020, H rủ C và Lương Văn G, sinh năm 1987, trú tại thôn 8, xã T, huyện L, tHnh phố Hải Phòng đi tìm anh P đòi nợ, G và C đồng ý. H thuê xe taxi (hãng N), loại xe 04 chỗ, BKS 15A- 4xx.99 do Đỗ Văn K, sinh năm 1989, trú tại xã T, huyện T, tHnh phố Hải Phòng điều khiển. K chở H, C, G đi từ xã Lập Lễ, huyện T đến khu vực nH trọ của ông Phạm Huy T, sinh năm 1957, trú tại khu Đ Nam, thị trấn Quảng H, huyện Hải H, tỉnh Quảng Ninh (nơi anh P ở trọ). Trên đường đi, H thông báo cho B biết đang cùng C đi Quảng Ninh tìm anh P đòi nợ và bảo B chuẩn bị tiền để trả tiền xe taxi đi tìm anh P. B đồng ý. Sau đó, H gọi điện thoại cho Đỗ Văn H, sinh năm 1991, trú tại xã Q, tHnh phố M, tỉnh Quảng Ninh (lái xe taxi tại huyện Hải H, tỉnh Quảng Ninh). H hẹn đón nhóm của H ở khu vực ngã 6, thị trấn Quảng H, huyện Hải H, để đưa vào khu nH trọ của anh P.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì nhóm của H đến khu nH trọ của anh P. H gọi điện thoại thì anh P không nghe, không mở cổng khu trọ nên H nhờ Hùng bảo ông Thông là chủ nH trọ mở cổng để gặp Phúc nói chuyện. Phúc không muốn ồn ào tại nơi trọ nên đã đi ra quán nước đầu khu trọ để nói chuyện với nhóm của H. Gặp anh P, C nói “mày cho anh mượn điện thoại”, anh P đưa điện thoại Iphone 6s màu trắng của mình cho C giữ. H yêu cầu Phúc về huyện T để giải quyết công nợ. Ban đầu, anh P không đồng ý đi cùng nhóm của H vì công việc đang rất bận nhưng sau đó C nói “*cứ lên xe về Hải Phòng đi*” nên anh P miễn cưỡng lên xe taxi đi cùng nhóm H về huyện T. H ngồi ở ghế phụ phía trước, anh P ngồi ở giữa ghế sau, C và G ngồi hai bên. Khoảng 03 giờ ngày 16/5/2020, xe taxi của Khương đi đến quán ăn đêm ở xã Hòa B, huyện T. Sau khi ăn uống xong, C lấy xe mô tô của mình (đã gửi trước đó tại quán) chở anh P về khách sạn MN, có địa chỉ tại xã Thủy Đường, huyện T thuê phòng 220 để C và Phúc ở. Khương tiếp tục chở H, G về xã Lập Lễ. Trên đường đi, H gọi điện thoại cho B bảo mang tiền để trả tiền xe taxi nhưng B không có nên đã gọi cho T thông báo cho T biết việc H và C đã tìm được

anh P, đưa anh P từ Quảng Ninh về Hải Phòng, đồng thời B bảo T mang tiền thanh toán tiền xe taxi cho Khương. T trả cho K 3.660.000 đồng. C thông báo cho H biết đã đưa anh P về khách sạn MN, hẹn sáng hôm sau giải quyết tiếp.

Tại khách sạn MN, C đe dọa anh P “*nói với bố mẹ, vợ mày xoay tiền đi, từ giờ đến 9 giờ phải có 50.000.000 đồng. Nếu không có thì tao cho anh em lên thì mày biết*”. Anh P không gọi cho gia đình, C nói tiếp “*mày nghỉ đi, có chạy đi đâu tao cũng tìm được*”. Do trước đó, anh P đã bị C đánh đòi tiền nợ cho nhóm của H tại tỉnh H Nam nên anh P sợ không dám hô hoán, bỏ đi. Anh P ở cùng C tại khách sạn MN trong khoảng thời gian 05 giờ (từ 04 giờ đến 09 giờ ngày 16/5/2020).

Đến khoảng 7 giờ ngày 16/5/2020, H, B, T, Vũ Văn T và Trần Thị H, sinh năm 1987, trú tại xã H, tHnh phố Vinh, tỉnh Nghệ An (bạn gái T) cùng nhau đến khách sạn MN gặp Phúc để giải quyết công nợ. Cả nhóm chờ ở ngoài, H lên phòng 220 nói chuyện với C thì C biết có nhiều người cùng đi với H nên C bảo H trả cho C 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền công đi tìm Phúc, nếu không có tiền thì không giao Phúc cho nhóm của H. Thấy vậy, H đi xuống chỗ T và mọi người đang đợi, H nói với T việc C đòi tiền công đưa P từ Quảng Ninh về Hải Phòng. T đồng ý, rồi gọi điện thoại cho C bảo chờ T về nh lấy tiền. Sau đó, C trả phòng và chờ anh P đến quán L thuộc thôn xx, xã L, huyện T, tHnh phố Hải Phòng chờ T quay lại. Khoảng 10 giờ cùng ngày, T vay được 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), cùng nhóm H đến quán LeeShin gặp C để chuộc P. C nhận của T 3.000.000 đồng, còn lại 2.000.000 đồng hẹn trả sau, C giao P cho nhóm T. H yêu cầu anh P lên xe taxi về nh trọ của T ở xã Lập Lễ để giải quyết chuyện nợ tiền. Nhóm của T tập trung tại quán cơm của chị Đinh Thị H, sinh năm 1975 (G nh trọ của T), T yêu cầu anh P phải thanh toán chi phí tiền thuê xe taxi, tiền công tìm P là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Tại nh trọ của T có các đối tượng giữ anh P từ 10 giờ sáng đến 23 giờ ngày 16/5/2020 (13 giờ) đánh, đe dọa để đòi nợ cụ thể: khoảng 11 giờ, các đối tượng T, H, T, B, H; anh Dương Thiên O (tức T) sinh năm 2000, trú tại phường K, thị xã A, tỉnh H Tĩnh và Hứa Văn T, sinh năm 1989, trú tại xã S, huyện N, tỉnh Ninh B đều là chủ nợ của anh P tập trung tại nh trọ của T để nói chuyện, giải quyết việc anh P nợ tiền. T hỏi anh P về khoản nợ, anh P hứa thu xếp trả dần thì bị T và H tát nhiều nhát vào mặt, đá vào bụng nhiều nhát. T yêu cầu anh P thống kê tất cả những khoản nợ của những người trong nhóm của T và viết giấy nhận nợ với tổng số tiền 177.500.000 đồng (*một trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng*). Trong đó, có 10.000.000 đồng tiền thuê xe, người đưa anh P từ Quảng Ninh về Hải Phòng; anh P nợ T 70 triệu; nợ H 60.000.000 đồng gồm 15.000.000 đồng của H và 45.000.000 đồng là tiền anh P nợ Hứa Văn T và Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1997 ở xã S, huyện N, tỉnh Ninh B chuyển sang nợ cho H. T là người lấy giấy (loại giấy vở học sinh), bút đưa cho anh P viết giấy nhận nợ và đọc nội dung cho anh P viết.

B mở điện thoại, lấy mẫu giấy nhận nợ (anh P đã viết từ trước đó tại H Nam) để anh P viết theo. Thấy anh P viết chậm, H lấy điện thoại của B đọc nội dung cho anh P viết. H yêu cầu anh P điểm chỉ vào giấy nhận nợ, B cắn ruột bút bi đưa cho T đổ mực ra giấy để anh P lăn tay, điểm chỉ vào giấy nhận nợ. Thấy dấu vân tay của anh P chưa nét, T cầm tay anh P lăn vào mực, điểm chỉ lại cho đậm. T là người giữ giấy nhận nợ và nói với anh P, phải có ít nhất 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) để trả cho mỗi người một ít, nếu không có tiền trả cho mọi người thì sẽ đưa anh P ra đảo khi ở. Sau đó, T lấy 01 con dao (dạng dao bài dài 40 cm, đầu bằng, cán gỗ) và 01 chiếc thớt gỗ (hình tròn dày 04 cm, đường kính 35 cm) để trước mặt anh P đe dọa nếu anh P không trả tiền sẽ chặt tay anh P. T bắt anh P gọi điện thoại về cho vợ là chị Lê Thị M, sinh năm 1997, hẹn đến 15 giờ cùng ngày phải mang tiền đến, nếu không có tiền sẽ chặt ngón tay của anh P.

Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, Công đến nH trọ của T chơi biết mọi người đang giữ anh P để đòi nợ. Chờ thấy lâu mà gia đình anh P chưa mang tiền đến, H tiếp tục đâm đá nhiều nhát vào người anh P, rồi chạy ra quán bán cơm của chị H lấy 01 con dao (dạng dao bầu bằng kim loại dài 35cm, đầu nhọn) dí vào mặt, cổ anh P đe dọa, đòi tiền. Sau đó, T bảo Huệ mang dao bầu cất đi. Công có mặt, chứng kiến việc H đánh, đe dọa anh P.

Khoảng 16 giờ cùng ngày, H bảo T chở anh P ra công trường thuộc khu công nghiệp V, cách nH trọ của T khoảng 200m nhót vào vỏ container (nH tạm cho công nhân ở do G quản lý) để tiếp tục đe dọa, đòi nợ. H lấy xe mô tô BKS 15B1-xxx.07 của Công chở anh P và Công đến khu vực để vỏ container. Công ngồi sau phía ngoài cùng giữ anh P. T, Huệ, T đi xe mô tô khác theo sau. H đưa anh P vào container, bắt anh P quỳ xuống, H đá 02 nhát vào người anh P. C đến nói với anh P *“không phải ai cũng hứa được, hứa ngày nào phải trả”* và dùng chân đá 01 nhát vào ngực anh P, bắt anh P phải trả tiền. T tiếp tục đe dọa anh P đến 17 giờ cùng ngày phải có tiền, nếu không có thì cho anh P ra đảo khi. H chốt cửa, nhót anh P ở bên trong container, cả nhóm đi về quán chị H ngồi. G không đồng ý cho nhóm của H nhót anh P tại vỏ container của mình, nhưng do sợ bị đánh nên không dám ngăn cản. Khoảng 30 phút sau, T và T ra đưa anh P về quán chị H rồi đưa về nH trọ của T giữ tiếp.

Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, chị M (vợ anh P) gọi điện thoại cho chồng thì H nghe rồi đưa điện thoại cho T nói chuyện với chị M. T đe dọa chị M *“nếu tầm 12 giờ 30 phút đến 01 giờ mà không cầm tiền đến thì mai không nhìn thấy chồng mà nữa”*.

Tại nH trọ của T có các anh Lê Hiếu N, sinh năm 1985, ở xã T, huyện T và Nguyễn Hữu T, sinh năm 1998, ở xã H, huyện Thạch Thất, tHnh phố H Nội đến chơi, có quen biết nhóm H và anh P. Thấy nhóm của T, H đánh anh P nên đã bảo

lãnh, cam kết anh P sẽ trả nợ nên nhóm của T đồng ý thả anh P ra. Biết anh P đến nH anh N ngủ thì T, T không yên tâm nên định đến nH anh Nghĩa đưa anh P về nH trọ của T thì bị cơ quan Công an huyện T phát hiện, bắt giữ. Khoảng 21 giờ ngày 16/5/2020, chị Minh không thấy chồng về đã đến Cơ quan Công an trình báo việc anh P bị một số người bắt giữ, đánh đòi nợ như nội dung nêu trên.

Cơ quan điều tra tiến Hnh khám nghiệm hiện trường, khám xét nH trọ của Đinh Khắc T, thu giữ: 01 giấy nhận nợ do anh Đinh Văn P viết với nội dung nợ số tiền 177.500.000 đồng; 01 dao dài 40cm, đầu bằng; 01 dao bầu dài khoảng 35cm, đầu nhọn, cán gỗ và 01 thớt gỗ đường kính 30cm.

Tiến Hnh kiểm tra, xem xét các dấu vết trên thân thể anh P thấy: anh P bị các vết thương sưng nề chảy máu tại vùng môi; sưng nề, tụ máu ở nhiều vị trí khác trên mặt; vùng thượng vị bị bầm tím... Anh P không yêu cầu giám định thương tích.

Cơ quan điều tra thu thập tài liệu, xác minh anh P có nợ tiền của nhiều người với tổng số tiền là 167.000.000 đồng, cụ thể: nợ T 70.000.000 đồng, nợ H 15.000.000 đồng, nợ Thu 13.000.000 đồng, nợ Nguyễn Mạnh C 32.000.000 đồng, nợ B 2.000.000 đồng, nợ T 11.000.000 đồng, nợ tiền cơm của chị H 15.000.000 đồng và nợ anh Đinh Khắc H sinh năm 1984, trú tại xã L, huyện T, tHnh phố Hải Phòng 9.000.000 đồng.

Đối với việc Dương Thiên O khai: anh P còn nợ Oánh 23.000.000 đồng. Số tiền này, Phúc không kê khai trong danh sách nợ. Quá trình điều tra, Phúc vắng mặt tại nơi cư trú, Cơ quan điều tra chưa đối chất làm rõ được.

Tại Cơ quan điều tra, những người liên quan là những chủ nợ của anh P gồm Dương Thiên O, Đinh Thị H, Hứa Văn T, Đinh Khắc H và Trần Thị H trình bày: anh P còn nợ tiền công lao động, tiền ăn uống sinh hoạt của mọi người nhưng không ai ủy quyền cho H, T, B, T, C, Công đòi nợ. Mọi người không biết, không bàn bạc việc tìm, bắt anh P từ Quảng Ninh về Hải Phòng, cũng không bàn bạc việc giữ, đe dọa, đánh anh P tại nH trọ của T để đòi nợ. Khi biết T, H đã tìm được anh P đưa về nH trọ của T để nói chuyện về công nợ thì mọi người có tập trung tại nH trọ của T để xem anh P định trả nợ mọi người như thế nào. Tại đây, mọi người đều chứng kiến T, H dùng tay chân đánh anh P, lấy dao và thớt dọa chặt tay anh P nếu không trả nợ và bắt ép anh P gọi điện thoại về gia đình bảo người thân mang tiền đến trả nợ; B có đưa mẫu giấy nhận nợ trong điện thoại cho anh P ghi theo nội dung trước đó và cắn ruột bút bi lấy mực để anh P điểm chỉ trên giấy nhận nợ; anh P không nợ tiền Công và chị Huệ. Công là bạn của H đến nH trọ của T chơi, có tham gia đưa anh P nhốt tại container, đánh anh P đòi nợ cùng H; T có mặt từ đầu với mọi người để đòi nợ, T nghe điện thoại và đe dọa vợ anh P phải mang tiền đến trả cho mọi người, không có tiền thì không gặp được chồng. Chị Huệ ở cùng T tại

nH trợ, biết việc mọi người đe dọa anh P nhưng không tham gia, đã cắt con dao mà H dùng đe dọa anh P theo chỉ đạo của T.

Tại Cơ quan điều tra, ban đầu anh P khai: tại Quảng Ninh khi C, H, G yêu cầu anh P về Hải Phòng giải quyết nợ, anh P đã nói với mọi người bạn chưa về được nhưng C đe dọa, sợ bị đánh nên anh P miễn cưỡng đi theo mọi người về Hải Phòng. Cả quãng đường đi từ Quảng Ninh về Hải Phòng và tại khách sạn MN anh P không hô hoán, kêu cứu. Sau đó anh P thay đổi lời khai trình bày việc anh P đồng ý đi từ Quảng Ninh về Hải Phòng với C, H, G là do H hứa không đánh anh P. Tại nH trợ của T anh P bị T, H đánh dùng dao, thót đe dọa chặt tay nếu không trả nợ, bị ép viết giấy nhận nợ 177.500.000 đồng vượt quá số tiền thực tế anh P nợ mọi người 10.500.000 đồng. Tại container, anh P bị H, Công đánh bắt trả nợ. Anh P đã thông báo với gia đình (vợ, mẹ đẻ) về việc bị bọn H, T bắt giữ, đánh và bảo người thân mang tiền đến trả nợ. Sau đó, anh P được các anh Nghĩa, Trung bảo lãnh đưa về nH anh Nghĩa ngủ. Quá trình điều tra, anh P vắng mặt tại địa phương nơi cư trú, Cơ quan điều tra tiến Hnh triệu tập nhiều lần nhưng anh P không đến làm việc.

Những người thân thích của anh Đinh Văn P là chị Lê Thị M (vợ) và bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1972, trú tại xã S, huyện N, tỉnh Ninh B (mẹ đẻ anh P) trình bày: ngày 16/5/2020, bà Nhung và chị Minh nhận được điện thoại của anh P báo bị nhóm H, T giữ, đánh, đe dọa chặt tay, yêu cầu gia đình phải đưa 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) thì mới thả anh P về. Sau đó chị Minh đã làm đơn trình báo Công an huyện T.

Theo anh Đỗ Văn K là lái xe taxi trình bày: anh K làm lái xe taxi, chở H, C, G đi từ Hải Phòng đến Quảng Ninh rồi quay về. Trên đường đi, anh K tập trung lái xe, nghe nhạc không để ý nội dung trò chuyện của khách trên xe. Khi về đến xã Lập Lễ vào khoảng 05 giờ ngày 16/5/2020, anh K yêu cầu H trả tiền thuê xe taxi nhưng do chưa có tiền, anh K chờ đến khoảng 07 giờ cùng ngày, tiếp tục chở nhóm của H đi đón Phúc về nH trợ của T thì được thanh toán tổng tiền thuê xe là 3.660.000 đồng (ba triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng). Anh K không biết, không liên quan đến việc nhóm của H, T giữ, đánh, đe dọa anh P phải trả nợ.

Ngày 17/5/2020, Hoàng Văn H, Đinh Khắc T bị bắt theo lệnh bắt bị can để tạm giam của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T.

Ngày 19/10/2020, Nguyễn Đình C bị bắt theo lệnh bắt bị can để tạm giam của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T.

Trần Văn C, Đinh Khắc B, Vũ Văn T bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã truy nã.

Ngày 19/01/2021, Đinh Khắc B đến Công an huyện T đầu thú.

Ngày 17/12/2020, Trần Văn C bị bắt theo lệnh truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T. Quá trình bắt giữ, cơ quan Công an thu trong người C 01 túi nylon chứa tinh thể màu trắng, qua giám định là chất ma túy, có khối lượng 1,26 gam, là loại Methamphetamine.

Ngày 06/5/2021, Vũ Văn T bị bắt theo lệnh truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo Hoàng Văn H, Đinh Khắc T, Nguyễn Đình C, Trần Văn C, Đinh Khắc B, Vũ Văn T khai nhận phù hợp với nhau như nội dung nêu trên. Các bị cáo đều khai không bàn bạc với nhau từ trước và cũng không bàn bạc với những chủ nợ khác việc bắt, giữ, đánh, đe dọa anh P trả nợ. Khi biết tin anh P đang ở Quảng Ninh, H đang đi cùng với C, G nên đã nảy sinh ý định rủ C, G đi tìm Phúc đòi nợ. C, G, Công không liên quan đến việc nợ tiền của anh P với H, T, T, B. Trên đường đi, H thông báo cho B biết việc đi cùng C, G đến Quảng Ninh tìm anh P và bảo B chuẩn bị tiền trả tiền xe taxi. Khi đưa được anh P về khách sạn MN, H gọi B ra thanh toán tiền thuê xe taxi thì B không có tiền mà gọi T thanh toán. T biết việc H đã tìm được anh P, đang ở khách sạn MN cùng C, T đồng ý thanh toán tiền thuê xe taxi. Khi C yêu cầu H trả tiền công đưa Phúc từ Quảng Ninh về Hải Phòng, H đã thông báo với T và cùng T đi vay tiền đưa cho C để chuộc Phúc. Cả nhóm đưa được Phúc về nH trọ của T thì thông báo cho các chủ nợ khác đến đòi nợ. Việc đánh anh P tại nH trọ, ép anh P viết giấy nhận nợ và nhốt anh P tại container khu vực công trường Vsip để đe dọa anh P phải trả nợ là do H, T thực hiện. Còn B, T tham gia từ đầu, chứng kiến việc H, T đánh anh P đòi nợ, ép viết giấy nhận nợ thì B đưa mẫu giấy nhận nợ để anh P viết theo, T nghe điện thoại đe dọa và yêu cầu gia đình anh P mang tiền đến trả thì sẽ thả người. Công đến sau, không liên quan đến việc nợ tiền nhưng bên H nên đã tham gia đánh anh P đòi nợ cùng H. G đi cùng H và C từ Hải Phòng đến Quảng Ninh đưa anh P về Hải Phòng, chứng kiến việc C, H nói chuyện với anh P, yêu cầu anh P lên xe đi về Hải Phòng nhưng không tham gia đe dọa, bắt ép anh P lên xe taxi về Hải Phòng. Quá trình đi đường, G không đe dọa anh P. G là người quản lý vỏ container ở công trường Vsip, khi thấy H đưa anh P theo, hỏi mượn vỏ container thì G không đồng ý, nhưng H vẫn đưa anh P vào container đánh, nhốt. G sợ bị nhóm của H đánh nên không dám ngăn cản.

Tổng số tiền các bị cáo H, T, B, T, Công ép anh P ghi giấy nhận nợ là 177.500.000 đồng. Trong đó 167.000.000 đồng là tiền anh P nợ cá nhân các bị cáo và một số người khác, còn 10.500.000 đồng là tiền T đã chi phí để đưa anh P từ Quảng Ninh về Hải Phòng.

Về nguồn gốc số ma túy, Công an huyện T thu giữ khi bắt truy nã, C khai: mua của người không quen biết tại khu vực thị trấn M, huyện T để sử dụng cho bản thân. Ngày 18/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã khởi tố

vụ án, khởi tố bổ sung bị can đối với C về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Quá trình bỏ trốn, Đinh Khắc B, Vũ Văn T không phạm tội ở nơi khác.

Tại Cáo trạng số 90/CT-VKSTN ngày 01/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tHnh phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Đinh Khắc T và Hoàng Văn H về các tội: Giữ người trái pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự và tội Cướp tài sản quy định tại các điểm d, đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Truy tố bị cáo Nguyễn Đình C về các tội: Giữ người trái pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự và tội Cướp tài sản quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Truy tố các bị cáo Vũ Văn T, Đinh Khắc B về tội: Cướp tài sản quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Truy tố bị cáo Trần Văn C về các tội: Giữ người trái pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự và tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo T, H, Công, B, T và C đều khai nhận đã thực hiện Hnh vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu. Các bị cáo đồng ý với tội danh mà Kiểm sát viên luận tội đối với từng bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị hại là anh Đinh Văn P vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án khai: Sau khi được C, H, G yêu cầu anh P về Hải Phòng giải quyết nợ, anh P đã đồng ý đi từ Quảng Ninh về hải Phòng cùng với C và H. Tại nH trọ của T anh P bị T, H đánh dùng dao, thót đe dọa chặt tay nếu không trả nợ, bị ép viết giấy nhận nợ 177.500.000 đồng vượt quá số tiền thực tế anh P nợ mọi người 10.500.000 đồng. Tại container, anh P bị H, Công đánh bắt trả nợ. Anh P đã thông báo với gia đình (vợ, mẹ đẻ) về việc bị bọn H, T bắt giữ, đánh và bảo người thân mang tiền đến trả nợ. Sau đó, anh P được các anh Nghĩa, Trung bảo lãnh đưa về nH.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tHnh phố Hải Phòng tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm d, đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đinh Khắc T từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội Giữ người trái pháp luật và từ 9 (chín) năm 6 (sáu) tháng đến 10 (mười) năm 6 (sáu) tháng tù về tội Cướp tài sản. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội tHnh hình phạt C. Thời hạn chấp Hnh hình phạt tù tính từ ngày 17/5/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm d, đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Hoàng Văn H từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội Giữ người trái pháp luật và từ 9 (chín) năm đến 10 (mười) năm tù về tội Cướp tài sản. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội tHnh hình phạt C. Thời hạn chấp Hnh hình phạt tù tính từ ngày 17/5/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Đình C từ 9 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù về tội Giữ người trái pháp luật và từ 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng đến 8 (tám) năm 6 (sáu) tháng tù về tội Cướp tài sản. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội tHnh hình phạt C. Thời hạn chấp Hnh hình phạt tù tính từ ngày 19/10/2020.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Vũ Văn T từ 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng đến 8 (tám) năm 6 (sáu) tháng tù về tội Cướp tài sản. Thời hạn chấp Hnh hình phạt tù tính từ ngày 06/5/2021.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đinh Khắc B từ 7 (bảy) đến 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù về tội Cướp tài sản. Thời hạn chấp Hnh hình phạt tù tính từ ngày 19/01/2021.

Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 55 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Văn C từ 30 (ba mươi) đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội Giữ người trái pháp luật và từ 30 (ba mươi) đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội tHnh hình phạt C. Thời hạn chấp Hnh hình phạt tù tính từ ngày 17/12/2020.

Về dân sự: Không.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy số vật chứng đang được bảo quản tại Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện T, tHnh phố Hải Phòng gồm: 02 con dao (01 con dài 40cm, cán gỗ, lưỡi dao bằng kim loại tối màu, đầu vuông bị cáo T sử dụng đe dọa anh P, 01 con dài 35cm, cán gỗ, lưỡi dao bằng kim loại, đầu nhọn bị cáo H dùng đe dọa anh P); 01 chiếc thớt gỗ (hình tròn, đường kính 35cm, dày 04cm) và số ma túy, vỏ bao bì thu giữ của Trần Văn C còn lại sau giám định.

Truy thu của bị cáo Trần Văn C số tiền 3.000.000 đồng là tiền thu lợi bất chính sung quỹ NH nước.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Đinh Khắc T không tranh luận về tội Giữ người trái pháp luật, điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo T. Việc truy tố bị cáo T về tội Giữ người trái pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự là đúng người đúng tội. Tuy nhiên, Người bào chữa cho bị cáo T cho rằng Viện kiểm sát truy tố bị cáo T về tội Cướp tài sản theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ. Sau khi phân tích bản luận cứ bào chữa, người bào chữa cho bị cáo T cho rằng Hành vi của bị cáo T không đủ dấu hiệu mặt khách quan của cấu thành phạm vi của tội Cướp tài sản nói trên mà Hành vi của bị cáo T có dấu hiệu của tội Cưỡng đoạt tài sản quy định tại Điều 70 Bộ luật Hình sự. Từ đó, người bào chữa cho bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ vụ án để Viện Kiểm sát điều tra bổ sung đối với tội danh nêu trên.

Người bào chữa cho bị cáo Đinh Khắc B không tranh luận về tội danh, điều luật và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm sát đã truy tố mà chỉ đưa thêm các tình tiết như nguyên nhân dẫn đến bị cáo phạm tội là có phần lỗi của bị hại, vai trò của bị cáo trong vụ án là thấp nhất. Trên cơ sở đó, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt mà Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo Đinh Khắc B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về Hành vi, quyết định của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng. Do đó, các Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Hành vi, quyết định tố tụng của thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ được, các kết luận giám định cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa, phù hợp nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo. Vì vậy có đủ căn cứ kết luận:

Về Hành vi giữ người trái pháp luật:

Xuất phát từ việc anh Đinh Văn P nợ tiền công thợ của nhiều người và một số bị can Hoàng Văn H, Đinh Khắc T, Đinh Khắc B, Vũ Văn T chưa trả, nhiều lần

khất nợ. Biết được tin anh P đang ở Quảng Ninh, H đã thuê Trần Văn C cùng đi đưa anh P từ Quảng Ninh về Hải Phòng. C đã giữ anh P trái phép trong khoảng 06 giờ (từ 04 giờ đến 10 giờ ngày 16/5/2020) tại khách sạn MN, quán nước LeeShin để đòi 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền công. H thông báo cho B, T việc cùng C đi Quảng Ninh đưa anh P về Hải Phòng và việc C giữ anh P để đòi tiền công. H, T, Công cùng C ý chí thực hiện các Hnh vi giữ trái phép anh P trong khoảng thời gian 13 giờ (10 giờ đến 23 giờ ngày 16/5/2020), cụ thể: khoảng 12 giờ từ quán LeeShin và tại nH trọ của T và trong khoảng 01 giờ (từ 16 giờ 30 phút đến 17 giờ 30 phút ngày 16/5/2020) tại container ở công trường Vsip. Hnh vi của các bị cáo cụ thể như sau:

Trần Văn C đã thực hiện Hnh vi đi cùng H đưa anh P từ Quảng Ninh về Hải Phòng giữ anh P trái phép trong khoảng thời gian 06 giờ để đòi tiền công 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Hoàng Văn H biết C giữ anh P (trong khoảng thời gian 06 giờ) để đòi tiền chuộc; cùng T giữ anh P trái phép tại nH trọ của T (trong khoảng 12 giờ) và tại container (trong khoảng thời gian 01 giờ).

Đinh Khắc T thỏa thuận với C tiếp tục giữ anh P chờ T đi vay tiền, thanh toán tiền cho C để nhận người (anh P), giữ anh P tại nH trọ của mình (trong khoảng 12 giờ), bàn bạc với H giữ anh P tại container ở công trường Vsip (trong khoảng thời gian 01 giờ).

Nguyễn Đình C dùng phương tiện của mình (xe mô tô) để chở anh P và ngồi phía sau xe ôm, giữ anh P đưa từ nH trọ của T đến giữ tại container ở khu công trường Vsip (trong khoảng thời gian 01 giờ).

Do vậy, Hnh vi của C, H, T, Công đã thỏa mãn các yếu tố cấu tHnh tội Giữ người trái pháp luật vi phạm khoản 1 Điều 157 Bộ Luật Hình sự.

Về Hnh vi Cướp tài sản:

Sau khi đưa anh P từ Quảng Ninh về Hải Phòng, H, T, B, T, Công cùng C ý chí thực hiện Hnh vi sử dụng vũ lực (dùng tay chân đánh, dùng dao, thót đe dọa chặt tay) để bắt ép anh P viết giấy nhận nợ, gọi điện thoại cho người thân của anh P mang 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) đến trả thì mới thả anh P. Cụ thể Hnh vi của các bị cáo như sau:

Hoàng Văn H và Đinh Khắc T sử dụng vũ lực (dùng tay chân đánh, dùng dao dí vào mặt anh P) tấn công anh P để đòi 50.000.000 đồng.

Đinh Khắc B có mặt tại nH T, chứng kiến việc T, H đánh anh P bắt viết giấy nhận nợ, B đã giúp sức cho T, H bằng cách đưa mẫu giấy nhận nợ được lưu giữ trong điện thoại của mình từ trước cho anh P nhìn, viết theo nội dung có sẵn để

chiếm đoạt 50.000.000 đồng và cắn ruột bút lấy mực để anh P điểm chỉ trên giấy nhận nợ.

Nguyễn Đình C sử dụng vũ lực (dùng tay chân đánh anh P tại container) đe dọa anh P để chiếm đoạt 50.000.000 đồng.

Vũ Văn T có mặt tại nh T, chứng kiến việc T, H đánh anh P bắt viết giấy nhận nợ, B đưa mẫu giấy nợ cho anh P viết. T đã giúp sức cho T, H bằng cách đe dọa người thân (vợ anh P) qua điện thoại để chiếm đoạt 50.000.000 đồng.

Vì vậy, Hành vi của các bị cáo H, T đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội Cướp tài sản vi phạm điểm d, đ khoản 2 Điều 168 Bộ Luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo Công, T và B đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội Cướp tài sản vi phạm điểm đ khoản 2 Điều 168 Bộ Luật Hình sự như Cáo trạng đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo T cho rằng Hành vi của bị cáo T không đủ dấu hiệu mặt khách quan của cấu thành phạm vi của tội Cướp tài sản theo điểm d, đ khoản 2 Điều 168 Bộ Luật Hình sự mà Hành vi của bị cáo T có dấu hiệu của tội Cưỡng đoạt tài sản quy định tại Điều 70 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Về Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy:

Ngày 17/12/2020, Trần Văn C có Hành vi cất giấu trái phép chất ma túy, có khối lượng 1,26 gam, là loại Methamphetamine với mục đích để sử dụng cho bản thân, bị lực lượng Công an phát hiện trong quá trình bắt giữ theo lệnh truy nã. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” vi phạm điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[3]. Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những trực tiếp xâm phạm quyền tự do về thân thể, quyền sở hữu hợp pháp về tài sản và chính sách độc quyền quản lý của NH nước đối với chất ma túy là những khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ Hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân từng bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đinh Khắc T đã có một tiền án thể hiện tại Bản án số 245/2017/HSST ngày 24/8/2017, chưa được xóa án tích. Vì vậy, lần phạm tội này là tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo H, Công, B, T và C đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về Hành vi phạm tội là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy

định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo B sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Vụ án có nhiều bị cáo tham gia và phạm nhiều tội cần phân hóa vai trò của từng bị cáo đối với mỗi tội làm cơ sở cho việc lượng hình.

Đối với tội Giữ người trái pháp luật: Bị cáo C là người có vai trò chính và cao nhất, mặc dù anh P không mâu thuẫn gì với C, không nợ tiền C nhưng khi được H rủ đi tìm anh P để đòi nợ C đã đồng ý. Sau khi đưa anh P từ Quảng Ninh về Thủy Nguyên, C là người trực tiếp đe anh P và giữ anh P trong khoảng thời gian 6 giờ để đòi tiền công đưa anh P từ Quảng Ninh về. Vì vậy hình phạt áp dụng đối với C trong tội Giữ người trái pháp luật là cao nhất.

Bị cáo H giữ vai trò thứ hai, H là người đề xuất rủ C đi tìm anh P để đòi nợ. Sau khi đưa anh P từ Quảng Ninh về Thủy Nguyên, H thông báo cho T biết và nói với T về việc C yêu cầu tiền chuộc, sau đó H yêu cầu anh P về nH trọ của T và cùng với T giữ anh P trong 23 giờ tại nH T và tại nH Container. T giữ vai trò thấp hơn H, cụ thể T thỏa thuận với C tiếp tục giữ anh P để đi vay tiền đưa cho C và T giữ anh P trong 13 giờ tuy vai trò thấp hơn H nhưng T có 1 tiền án nên mức hình phạt áp dụng đối với T trong tội giữ người trái pháp luật ngang với mức hình phạt của H. Bị cáo Công giữ vai trò thấp nhất, cụ thể khi Công đến nH trọ của T chơi biết H, T đang giữ anh P, Công giúp sức bằng phương tiện của mình và ngồi sau ôm anh P nhốt vào nH Container, nên hình phạt áp dụng đối với Công trong tội giữ người trái pháp luật là thấp nhất.

Đối với tội Cướp tài sản: Bị cáo H và T giữ vai trò chính và ngang nhau, cụ thể H, T cùng với Công sử dụng vũ lực trực tiếp đánh, dùng dao đe dọa anh P để đòi 50 triệu đồng, tuy có vai trò ngang nhau song T có một tiền án nên mức hình phạt áp dụng đối với T trong tội Cướp tài sản phải cao hơn bị cáo H. Bị cáo Công và T có Hnh vi giúp sức cho H và T sử dụng vũ lực đánh và đe dọa anh P để đòi 50 triệu đồng nên có vai trò ngang nhau và thấp hơn so với bị cáo H và T. Do vậy hình phạt áp dụng đối với bị cáo Công và T trong tội Cướp tài sản là ngang nhau và thấp hơn so với bị cáo H. Bị cáo B có vai trò thấp nhất trong vụ án cụ thể B không tham gia đánh anh P nhưng B có Hnh vi giúp sức cho H, đưa mẫu giấy nhận nợ lưu giữ trong điện thoại của mình để anh P nhìn và viết để chiếm đoạt 50 triệu đồng nên hình phạt áp dụng đối với B trong tội Cướp tài sản là thấp nhất.

[4]. Căn cứ vào tính chất, mức độ Hnh vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo T, H, C có nhân thân xấu, các bị cáo còn lại tuy chưa có tiền án, tiền sự nhưng tội phạm mà các bị cáo gây ra là rất nghiêm trọng nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn buộc các bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian dài

mới đủ tác dụng giáo dục từng bị cáo và phòng ngừa tội phạm C. Thời gian các bị cáo bị tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

Theo khoản 6 Điều 168 và khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự thì các bị cáo phạm tội theo các Điều luật nêu trên còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên tài liệu điều tra xác minh thể hiện các bị cáo không có nghề nghiệp, không có nguồn thu nhập và không có tài sản. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5]. Về vật chứng: Hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên đang quản lý gồm: 02 con dao (01 con dài 40cm, cán gỗ, lưỡi dao bằng kim loại tối màu, đầu vuông và 01 con dài 35cm, cán gỗ, lưỡi dao bằng kim loại); 01 chiếc thớt gỗ (hình tròn, đường kính 35cm, dày 04cm); Sổ ma túy, vỏ bao bì thu giữ của Trần Văn C còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số 47MT/PC09. Xét sổ ma túy, vỏ bao bì thu giữ của Trần Văn C còn lại sau giám định là vật NH nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy. Các vật chứng còn lại là công cụ các bị cáo T, H sử dụng vào mục đích phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp với quy định tại các Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Đối với số tiền 3.000.000 đồng bị cáo C đòi tiền công đưa anh P từ Quảng Ninh về Thủy Nguyên là tiền thu lợi bất chính nên cần truy thu sung quỹ NH nước.

[6]. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

[7]. Trong vụ án này: Hình vi đe dọa, cưỡng ép anh P từ NH trọ ở huyện Hải H lên xe ô tô taxi đưa từ Quảng Ninh về Hải Phòng của Trần Văn C, Lương Văn G, Đỗ Văn Hùng, Hứa Văn T, Đỗ Văn Khương có dấu hiệu của Hình vi bắt người trái pháp luật. Quá trình điều tra chứng minh Thư làm thuê cho anh P biết chỗ ở của anh P ở Quảng Ninh, do không muốn làm với anh P nữa nên Thư đã về Hải Phòng, gặp H đã cho H địa chỉ của anh P và cho số điện thoại của Hùng là lái xe taxi quen, biết địa chỉ của anh P. Hùng khi nhận được điện thoại của H đã đồng ý đưa H đến nơi anh P ở trọ. Khương làm lái xe taxi chở H, C, G từ Hải Phòng đi Quảng Ninh đưa anh P về Hải Phòng cùng. Thư, Hùng và Khương không biết, không liên quan đến Hình vi phạm tội của H, C nên Cơ quan điều tra không xử lý. Đối với G đi cùng với C, H biết C, H đi tìm anh P đòi nợ nhưng không có Hình động gì, mục đích đi chơi cùng H, C. Bên cạnh đó, ban đầu tại Cơ quan điều tra anh P khai bị C đe dọa, sợ bị đánh nên đã miễn cưỡng lên xe taxi cùng C, H, G về Hải Phòng nhưng sau lại thay đổi lời khai do H hứa không ai đánh anh P nên anh P tự nguyện lên xe taxi về Hải Phòng để giải quyết công nợ. Quá trình điều tra anh P vắng mặt tại nơi cư trú, Cơ quan điều tra đã triệu tập nhiều lần nhưng không đến làm việc. Tài liệu điều tra đến thời điểm hiện tại chưa chứng minh được C, H, G đã

thực hiện Hnh vi bắt người trái pháp luật nên Cơ quan điều tra đã tách ra, tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Đối với việc C đe dọa anh P tại khách sạn MN yêu cầu anh P trả nợ cho nhóm của H có dấu hiệu của tội cưỡng đoạt tài sản. Quá trình điều tra chứng minh, anh P khai là C đe dọa anh P bằng lời nói “*nói với bố mẹ, vợ mày xoay tiền đi, từ giờ đến 9 giờ phải có 50.000.000 đồng. Nếu không có thì tao cho anh em lên thì mày biết*” buộc anh P phải trả tiền. C khai không đe dọa anh P mà chỉ nhắc nhở anh P trả nợ cho mọi người. Quá trình điều tra, anh P vắng mặt tại nơi cư trú, Cơ quan điều tra chưa đấu tranh làm rõ được mâu thuẫn trong lời khai của anh P và C nên đã tách những tài liệu liên quan đến Hnh vi nêu trên, tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

Đối với Lương Văn G là người quản lý chiếc container tại công trường Vsip - nơi H, T, Công đưa anh P từ nH trọ của T ra đó giữ tiếp trong khoảng thời gian 01 giờ. Quá trình điều tra, G thấy H và một số người ra container cùng anh P, H hỏi G mượn container G không đồng ý nhưng trước đó G đã bị nhóm T, H đánh nên khi thấy H và một số người cứ đi vào container do G quản lý, G không dám ngăn cản. Tài liệu điều tra đến thời điểm hiện tại chưa chứng minh được ý thức chủ quan của G đồng phạm với H, T, Công về việc giữ người trái pháp luật nên Cơ quan điều tra tách ra, tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Đối với T sử dụng ma túy trước khi Hnh vi phạm tội bị phát hiện, kết quả test thử nước tiểu có dương tính với Methamphetamine. Cơ quan điều tra, Công an huyện T đã xử lý Hnh chính.

Đối với Trần Thị H là bạn gái T, ở cùng nH trọ với T chứng kiến việc nhóm của T giữ, đánh anh P đòi nợ, có Hnh vi cất con dao do H dùng đe dọa anh P để ngăn cản không để H tiếp tục dùng dao tấn công anh P; các đối tượng Dương Thiên O, Đinh Thị Hoa, Hứa Văn T, Đinh Khắc Hòa là những chủ nợ của Phúc đều là những người có mặt tại nH trọ của T để cùng đòi nợ Phúc, chứng kiến Hnh vi phạm tội của các bị can T, H, Công, B, T nhưng không bàn bạc, không tham gia với các bị cáo thực hiện Hnh vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với việc Dương Thiên O khai anh P nợ Oánh 23.000.000 đồng. Nhưng trong danh sách chủ nợ mà Phúc tự liệt kê, không có khoản nợ của Oánh. Quá trình điều tra chứng minh Oánh không liên quan đến Hnh vi phạm tội của các bị cáo. Việc vay nợ tiền giữa Oánh và Phúc là quan hệ dân sự nên Cơ quan điều tra không giải quyết.

Đối với Hnh vi C, H, B và một số người khác đã đe dọa, đánh anh P bắt viết giấy nhận nợ vào khoảng tháng 5/2020 tại H Nam. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không thu giữ được mẫu giấy nhận nợ anh P viết, không thu được điện thoại của B. Hiện tại anh P vắng mặt tại nơi cư trú, Hnh vi này diễn ra ở địa bàn

tỉnh khác, không thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T nên sẽ được xử lý sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi anh P yêu cầu là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm d, đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 55 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đinh Khắc T 18 (mười tám) tháng tù về tội Giữ người trái pháp luật và 9 (chín) năm 6 (sáu) tháng tù về tội Cướp tài sản. Tổng hợp hình phạt C cho cả hai tội là 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/5/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm d, đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 55 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 18 (mười tám) tháng tù về tội Giữ người trái pháp luật và 9 (chín) năm tù về tội Cướp tài sản. Tổng hợp hình phạt C cho cả hai tội là 10 (mười) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/5/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 55 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Đình C 9 (chín) tháng tù về tội Giữ người trái pháp luật và 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù về tội Cướp tài sản. Tổng hợp hình phạt C cho cả hai tội là 8 (tám) năm 3 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/10/2020.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Vũ Văn T 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù về tội Cướp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/5/2021.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đinh Khắc B 7 (bảy) năm tù về tội Cướp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/01/2021.

Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 55 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Văn C 30 (ba mươi) tháng tù về tội Giữ người trái pháp luật và 30 (ba mươi) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt C cho cả hai tội là 5 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/12/2020.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tuyên:

Tịch thu tiêu hủy: 02 con dao (01 con dài 40cm, cán gỗ, lưỡi dao bằng kim loại tối màu, đầu vuông và 01 con dài 35cm, cán gỗ, lưỡi dao bằng kim loại); 01 chiếc thớt gỗ (hình tròn, đường kính 35cm, dày 04cm); Số ma túy, vỏ bao bì thu

giữ của Trần Văn C còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số 47MT/PC09 (Các vật chứng có đặc điểm được mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/4/2021 của Chi cục Thi Hình án dân sự huyện T, tHnh phố Hải Phòng).

Truy thu của bị cáo Trần Văn C số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) là tiền thu lợi bất chính sung quỹ NH nước.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo Đinh Khắc T, Hoàng Văn H, Nguyễn Đình C, Đinh Khắc B, Vũ Văn T và Trần Văn C mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi Hình theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hình án dân sự thì người được thi Hình dân sự, người phải thi Hình dân sự có quyền thỏa thuận thi Hình án, quyền yêu cầu thi Hình án, tự nguyện thi Hình án hoặc bị cưỡng chế thi Hình án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi Hình án dân sự; thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hình án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tHnh phố Hải Phòng;
- VKSND tHnh phố Hải Phòng;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- CQCSĐT Công an huyện T;
- Chính quyền cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Sở Tư Pháp tHnh phố Hải Phòng;
- PV27, CAHP;
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Ngọc Anh

THNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Công Hạ

Trần Đình Diệu

Lương Ngọc Anh

Căn cứ vào các tình tiết chứng cứ nêu trên,

KẾT LUẬN

- Bùi Thị Bích Nga là chủ quán karaoke Hoàng Gia đã đồng ý cho Vũ Tiến Đạt và Lê Văn Thịnh sử dụng trái phép chất ma túy Ketamine trong phòng hát Vip 4 thuộc quyền sở hữu, quản lý của mình bị Công an phát hiện bắt giữ cùng vật chứng ngày 06/4/2020.

- Bùi Thị Nga, Lê Văn Hiệp, Nguyễn Văn Tuấn cùng C ý chí tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng Vip 1 quán karaoke Hoàng Gia để đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể của nhiều người (Huy, Trang). Trong đó, Nga là chủ quán cho phép người khác sử dụng ma túy tại nơi thuộc quyền sở hữu, quản lý của mình; cung cấp chất ma túy (cho Huy, Hiệp chất ma túy MDMA để sử dụng; mua ma túy Ketamine của Dũng cho cả nhóm sử dụng); bố trí nhân viên phục vụ, sử dụng ma túy cùng Hiệp, Huy. Hiệp là người khởi xướng việc tổ chức sử dụng ma túy tại quán của Nga, cung cấp chất ma túy (Ketamine, phát MDMA của Nga đưa cho mọi người), rủ Huy sử dụng ma túy; trực tiếp đảo, xào, kẻ ma túy, mời mọi người trong phòng sử dụng ma túy. Tuấn là người bỏ tiền cho Nga mua ma túy (Ketamine) mời mọi người sử dụng. Huy và Trang là người được thụ hưởng, sử dụng ma túy không phải trả tiền.

Như vậy có đủ căn cứ để xác định các bị can có lý lịch dưới đây đã phạm tội như sau:

1. Họ và tên bị can: Bùi Thị Bích Nga, sinh năm: 1986;

Giới tính: Nữ; Nơi sinh: tHnh phố Hải Phòng;

Nơi cư trú: thôn 12, xã Lại Xuân, huyện T, tHnh phố Hải Phòng;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 08/12;

Họ tên bố: Bùi Văn Biên, sinh năm 1962; Họ tên mẹ: Trần Thị Thanh, sinh năm 1962; gia đình có 03 chị em, Nga là con lớn; Họ tên chồng là Bùi Quốc Việt, sinh năm 1984 (đã ly hôn), có 03 con (sinh năm 2004, 2007, 2012).

Tiền án, tiền sự: không.

Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt bị can để tạm giam từ ngày 10/4/2020.

2. Họ và tên bị can: Lê Văn Hiệp, sinh năm: 1994;

Giới tính: Nam; Nơi sinh: tHnh phố Hải Phòng;

Nơi cư trú: thôn 6, xã Kỳ Sơn, huyện T, tHnh phố Hải Phòng;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12;

Họ tên bố: Lê Văn Hòa, sinh năm 1955; Họ tên mẹ: Đỗ Thị Luyện, sinh năm 1966; gia đình có 02 anh em, Hiệp là con lớn; Họ tên vợ là Hoàng Thị Yên, sinh năm 1993, có 02 con (sinh năm 2016, 2018).

Tiền án, tiền sự: không.

Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt bị can để tạm giam từ ngày 10/4/2020.

3. Họ và tên bị can: Nguyễn Văn Tuấn, sinh năm: 1982;

Giới tính: Nam; Nơi sinh: tHnh phố Hải Phòng;

Nơi đăng kí thường trú: thôn 1, xã Lại Xuân, huyện T, tHnh phố Hải Phòng.

Nơi cư trú: thôn 6, xã Kỳ Sơn, huyện T, tHnh phố Hải Phòng;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12;

Họ tên bố: Nguyễn Tiến Lùng (sinh năm 1957); Họ tên mẹ: Bùi Thị Vẻ (sinh năm 1958); gia đình có 03 anh chị em, Tuấn là con lớn nhất; Họ tên vợ là Đỗ Thị Mai, sinh năm 1979, có 02 con (sinh năm 2006, 2008).

Tiền sự: không.

Tiền án: Bản án số 142/2016/HSST ngày 05/09/2016, Tòa án nhân dân huyện T xử 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, 24 tháng thử thách về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự, chấp Hnh xong ngày 05/9/2018. Thi Hnh xong án phí dân sự 20/4/2017 (đã xóa án).

Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt bị can để tạm giam từ ngày 10/4/2020.

Hnh vi nêu trên của bị can Bùi Thị Bích Nga đã phạm các tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 255 và điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự. Hnh vi của bị can Lê Văn Hiệp đồng phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Hnh vi của bị can Nguyễn Văn Tuấn đã đồng phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Điều 255 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:...

a) Phạm tội 02 lần trở lên;

b) Đối với 02 người trở lên;

Điều 256 Bộ luật quy định:

“1. Người nào cho thuê, cho mượn địa điểm hoặc có bất kỳ Hình vi nào khác chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 255 của Bộ luật này, thì phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:...

d) Đối với 02 người trở lên;”

Các bị can được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s (*Người phạm tội tHnh khẩn khai báo*) khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

Đối với Nguyễn Tự Huy có hành vi nhờ Nga mua ma túy (thuốc lắc) hộ để sử dụng cùng Hiệp tại quán của Nga, được Hiệp, Nga, Tuấn cho sử dụng ma túy (MDMA, Ketamine). Quá trình điều tra chứng minh, Huy và Hiệp chỉ bàn bạc, rủ nhau đi hát karaoke có nhân viên nữ phục vụ. Việc Huy nhận tiền Hiệp đưa (1.500.000 đồng) để chi trả hát và thuê nhân viên. Huy không được Hiệp, Nga, Tuấn bàn bạc việc tổ chức sử dụng ma túy. Huy được Nga cho MDMA, Hiệp và Tuấn cho Ketamine sử dụng không mất tiền. Hiện, Huy vắng mặt tại địa phương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tách ra, tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Đối với Triệu Thị Trang là nhân viên của quán karaoke, được Nga phân công vào phòng Vip 1 phục vụ Huy, Hiệp hát karaoke. Trang đi cùng Hiệp về nhà nhưng không biết Hiệp lấy ma túy để sử dụng tại quán. Trang lau khô đĩa và cuốn tẩu, soi đèn cho Hiệp đảo, xào ma túy và bê đĩa ma túy đi mời mọi người sử dụng theo yêu cầu của Hiệp. Quá trình điều tra chứng minh, Trang không được bàn bạc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Việc Trang thực hiện các Hình vi có dấu hiệu giúp sức cho Hiệp tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là theo yêu cầu của Hiệp để nhận tiền công. Tính chất nguy hiểm cho xã hội do Hình vi của Trang gây ra không đáng kể. Tài liệu điều tra chưa chứng minh được ý thức chủ quan của Trang đồng phạm với Hiệp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tách ra, tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Đối với Hình vi của Vũ Tiến Đạt và Lê Văn Thịnh cùng nhau góp tiền mua ma túy, thuê phòng hát để sử dụng ma túy. Kết quả điều tra chứng minh việc Đạt, Thịnh chỉ tổ chức cho nhau sử dụng ma túy, các nhân viên phục vụ (Linh, Phụng, Thu) không sử dụng ma túy cùng Đạt, Thịnh nên Hình vi của Thịnh và Đạt không cấu thành tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với Nguyễn Tự Huy, Triệu Thị Trang, Vũ Tiến Đạt và Lê Văn Thịnh có Hình vi sử dụng trái phép chất ma túy, Công an huyện T đã xử lý Hình chính.

Đối với Sầm Thị Phụng và Đặng Thị Thu có Hnh vi sử dụng trái phép chất ma túy trước đó với bạn. Quá trình điều tra xác định, Thu và Phụng không nhớ địa điểm, thời gian sử dụng nên Công an đã tách ra làm rõ xử lý sau.

Đối với Hnh vi để quán hát hoạt động quá giờ, kinh doanh dịch vụ giải trí không cần thiết trong giai đoạn dịch Covid đang bùng phát của Bùi Thị Bích Nga đã bị UBND huyện T xử lý Hnh chính.

Đối với đối tượng Dũng là người đã bán ma túy cho Nga, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tách ra làm rõ, xử lý sau.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND H. Thủy Nguyên;
- CCTHADS H. Thủy Nguyên;
- Công an TP. Hải Phòng;
- Công an H. Thủy Nguyên;
- Sở tư pháp TP. Hải Phòng;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo, Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vân